

Bản án số: 13/2022/HC-ST
Ngày 19-7-2022
V/v yêu cầu huỷ GCNQSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 21/2021/TLST-HC ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2022/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Ông Phạm Hồng T**, sinh năm 1968 và **bà Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Ông T có mặt, bà H vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Thu H: **Ông Phạm Hồng T** (Văn bản ủy quyền ngày 06-9-2021) – Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Ngô Chí T**, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền số: 1859/GUQ-STNMT ngày 03-8-2021) – Có đơn xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Trần Vĩnh P**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Văn bản ủy quyền số: 232/UQ-UBND ngày 29-11-2021) – Có đơn xét xử vắng mặt.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1967 và **bà Trịnh Thị T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Xuân V, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03-6-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 10-6-2016, ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn C, bà Trịnh Thị T một thửa đất (ông C, bà T được Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cấp GCNQSDĐ số U004624 ngày 26-02-2003 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện R, tỉnh Đắk Lắk). Ngày 08-8-2016, ông T, bà H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ số CD 199244 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Từ khi được cấp GCNQSDĐ gia đình ông T, bà H sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không bị quy hoạch.

Sau đó, ông T, bà H tiếp tục nhận chuyển nhượng của bà T, ông C diện tích đất 3.000m² liền kề với thửa đất nêu trên (khi chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay). Năm 2019, ông T, bà H làm thủ tục xin hợp thửa và cấp GCNQSDĐ đối với toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng nêu trên. Trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, ông T, bà H bị trả hồ sơ theo Công văn số: 73/TB-CNVPĐKĐĐ ngày 29-3-2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T.

Sau đó, ông T gửi đơn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi GCNQSDĐ số CD 199244 ngày 18-8-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông T, bà H đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông. Tại Công văn số: 580/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 31-5-2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ hướng dẫn ông T, bà H khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Vì vậy, ông T, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 199244 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/8/2016 cho hộ ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị Thu H, với lý do: GCN cấp không đúng vị trí sử dụng đất thực tế.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 541544 đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 12.361,2m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/3/2015 cho hộ bà Trịnh Thị T và ông Phạm Văn C, với lý do: GCN cấp chồng, lấn diện tích đất 5.000m² ông T, bà H đang sử dụng thực tế.

Ông T, bà H không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông C, bà T, đề nghị Tòa án không giải quyết.

2. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

2.1. Ông Trần Vĩnh P (Ủy ban nhân dân huyện T):

Qua kiểm tra, xét thấy hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BR 541544 ngày 25/3/2015 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ bà Trịnh Thị T và ông Phạm Văn C đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 12.361,2m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Theo kết quả đo đạc, lồng ghép bản đồ cho thấy có 5.000m² đất của hộ ông T, bà H (đang sử dụng thực tế) nhận chuyển nhượng của hộ ông C, bà T nằm trong GCNQSDĐ số BR 541544 nêu trên, việc chuyển nhượng thực hiện sau khi ông C, bà T được cấp GCNQSDĐ. Căn cứ khoản 1 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì trường hợp thực hiện quyền của người sử dụng đất đối với một phần thửa đất thì người sử dụng đất đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện đo đạc tách thửa đối với phần diện tích đất cần thực hiện quyền của người sử dụng đất trước khi nộp hồ sơ thực hiện quyền của người sử dụng đất. Như vậy, ông C, bà T cần thực hiện thủ tục tách thửa đối với diện tích đất 5.000m² trước khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất cho ông T, bà H. Đồng thời, căn cứ Công văn số: 169/CV-THADS ngày 19-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thì ông C, bà T đang bị cơ quan thi hành án dân sự huyện T ngăn chặn thực hiện các giao dịch như cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho, để thừa kế đối với tài sản của ông C, bà T cho đến khi ông C, bà T thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành án.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông căn cứ quy định pháp luật giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

2.2. Ông Ngô Chí T (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ):

Căn cứ Điều 76, Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, trình tự thủ tục chuyển nhượng và cấp đổi GCNQSDĐ số CD 199244 ngày 08/8/2016 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông cho hộ ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị Thu H là đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ông Phạm Văn C, bà Trịnh Thị T: Ông C, bà T khẳng định việc sử dụng đất của ông T, bà H là do ông bà chuyển nhượng, ông bà và ông T, bà H không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông bà và ông T, bà H có sai vị trí là lỗi của cơ quan có thẩm quyền, ông bà không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.2. Ông Lê Văn T và bà Lê Thị H:

Thửa đất số 134 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ số 343491 ngày 28-10-2016 có nguồn gốc ông T, bà H khai hoang một phần (thửa 77 cũ) và nhận chuyển nhượng một phần (thửa 76 cũ), gia đình ông T, bà H sử dụng thửa đất này ổn định, không tranh chấp. Sau khi làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, ông bà mới biết việc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà H nhưng nhầm sang vị trí đất của ông bà. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3.3. Ông Hoàng Xuân V:

Thửa đất số 88 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ số 429699 ngày 27-6-2013 có nguồn gốc ông V khai hoang, gia đình ông V sử dụng thửa đất này ổn định, không tranh chấp. Sau khi làm việc với Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, ông V mới biết việc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà H nhưng nhầm sang vị trí đất của ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H, ông V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 15-7-2022, ông Phạm Hồng T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 541544 đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 12.361,2m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/3/2015 cho hộ bà Trịnh Thị T và ông Phạm Văn C.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 199244 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/8/2016 cho hộ ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị Thu H; rút yêu cầu khởi kiện: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 541544 đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 12.361,2m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/3/2015 cho hộ bà Trịnh Thị T và ông Phạm Văn C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án và phiên tòa xét xử công khai, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện đã rút; chấp nhận yêu cầu khởi kiện và tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 199244 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/8/2016 cho hộ ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị Thu H; các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 15-7-2022, ông Phạm Hồng T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 541544 đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 55, diện tích 12.361,2m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/3/2015 cho hộ bà Trịnh Thị T và ông Phạm Văn C. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 143 và khoản 2 Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 199244 đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m² tọa lạc tại thôn A, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 08/8/2016 cho hộ ông Phạm Hồng T và bà Bùi Thị Thu H, xét thấy:

[2.1]. Về tố tụng:

[2.1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Công văn số: 580/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 31-5-2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ hướng dẫn ông T, bà H khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Ngày 03-6-2021, ông T, bà H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đảm bảo về thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính, vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết.

[2.2]. Về nội dung:

[2.1.1]. Tại Công văn số: 27/CNVPĐKĐĐ ngày 24-02-2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T: Phần diện tích đất hiện trạng đang sử dụng của ông T, bà H tại thửa đất 293, tờ bản đồ số 55, diện tích 15.719,3m² không trùng vào GCNQSDĐ số CD 199244 cấp ngày 08-8-2016 tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m². Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, hiện trạng có một phần diện tích do ông Hoàng Xuân V đang sử dụng tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 87, một phần do ông Lê Văn T đang sử dụng tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 87 (đo đạc năm 2012, nghiệm thu năm 2017). Vị trí thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83 diện tích 19.003m², tọa lạc tại thôn 4, xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông, cách xa vị trí thửa đất số 293, tờ bản đồ số 55 khoảng 4,5 km theo hướng Đông Nam.

[2.1.2]. Tại Biên bản làm việc ngày 24-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T: Phần diện tích đất thực tế ông T, bà H đang sử dụng, hiện nay chưa cấp GCNQSDĐ cho ai và không có tranh chấp với bất kỳ ai. Đối với ông Lê Văn T và ông Hoàng Xuân V đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng.

[2.1.3]. Lời khai của ông C, bà T khẳng định việc sử dụng đất của ông T, bà H là do ông bà chuyển nhượng, ông bà và ông T, bà H không có tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông bà và ông T, bà H có sai vị trí là lỗi của cơ quan có thẩm quyền, ông bà không biết. Lời khai của ông T, bà H và ông V, các ông bà được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ và sử dụng ổn định, không tranh chấp, không biết việc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà H nhưng nhầm sang vị trí đất của các ông bà.

[2.1.4]. Từ những căn cứ nêu trên, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: GCNQSDĐ số CD 199244 ngày 08-8-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông T, bà H đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông là cấp sai vị trí, hình thể và diện tích thửa đất. Như vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy GCNQSDĐ số CD 199244 ngày 08-8-2016 nêu trên.

[2.1.5]. Tuy nhiên, việc sử dụng đất trên thực tế của ông T, bà H là ổn định, không tranh chấp với ai, việc sử dụng đất này trên cơ sở nhận chuyển nhượng của ông C, bà T (ông C, bà T không biết GCNQSDĐ số U004624 ngày 26-02-2003 được Ủy ban nhân dân huyện R, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cấp cho ông C, bà T đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện R, tỉnh L có sai sót về vị trí, hình thể và diện tích thửa đất). Do đó, tuy hủy GCNQSDĐ số CD 199244 ngày 08-8-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông T, bà H đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông nhưng không làm mất đi quyền sử dụng đất đối với diện tích đất thực tế mà ông T, bà H đang sử dụng. Đồng thời, các đương sự không có tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có liên quan nên kiến nghị cơ quan có thẩm quyền khi cấp lại GCNQSDĐ đúng thực tế ông T, bà H đang sử dụng thì xác định người sử dụng đất hợp pháp là ông T, bà H.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 199244 ngày 08-8-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 83, diện tích 19.003m², tọa lạc tại xã S, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

2.1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho ông Phạm Hồng T, bà Bùi Thị Thu H 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số: 0005963 ngày 27-7-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- UBND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương